TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ Q** **TỈNH N**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2019/LĐ-ST
Ngày: 07-11-2019
V/v: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Q, TỈNH N

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Trần Thị Túc.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Bà Nguyễn Thị Anh Thư
2. Ông Hoàng Minh Tân

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quí – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Q, tỉnh N.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Q, tỉnh N tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Q, tỉnh N xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-LĐ ngày 10/01/2019 về việc: "*Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 159/2019/QĐXXST-LĐ ngày 23/9/2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Đội 7, thôn Phong Niên Thượng, xã T, huyện S, tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Đinh Thị Thanh T, sinh năm 1967; địa chỉ cư trú: Tổ 16, phường C, thành phố Q, tỉnh N; bà T có mặt.

2. Bị đơn: Công ty V; địa chỉ trụ sở: Lô 23, khu công nghiệp Q, Phường Q, thành phố Q, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Ông Lê Thanh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị; ông B vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bảo hiểm xã hội tỉnh N; địa chỉ: Số 08 Cao Bá Quát, phường N, thành phố Q, tỉnh N.

Người đại diện theo pháp luật của Bảo hiểm xã hội tỉnh N: Ông Tiêu S – Chức vụ: Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh N.

Người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh N: Ông Lê Thành V – chức vụ: Phó trưởng phòng khai thác và thu nợ Bảo hiểm xã hội tỉnh N theo Giấy ủy quyền số 1545/UQ BHXH ngày 23/10/2019. Ông V có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/12/2018, đơn khởi kiện bổ sung ngày 26/6/2019, bản tự khai 07/3/2019, biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 10/3/2019, văn bản trình bày ý kiến ngày 30/10/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bên nguyên đơn bà Nguyễn Thị S và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bà Đinh Thị Thanh T trình bày:

Bà Nguyễn Thị S bắt đầu ký hợp đồng lao động và làm việc tại Công ty V theo Hợp đồng số 482/VP - HĐLĐ vào ngày 28 tháng 4 năm 2012, trong hợp đồng lao động bà S bắt đầu làm việc từ ngày 01 tháng 5 năm 2012 đến ngày 30 tháng 4 năm 2013. Ngày 29 tháng 4 năm 2013 bà S tiếp tục ký hợp đồng lao động số 475VP - HĐLĐ với Công ty V từ ngày 01 tháng 5 năm 2013 đến ngày 30 tháng 4 năm 2014. Từ tháng 12 năm 2013 đến nay, Công ty V mà người đại diện theo pháp luật là ông Lê Thanh B – Chủ tịch Hội đồng quản trị không đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà S, mặc dù hàng tháng đơn vị vẫn trừ 10,5% tiền lương của bà. Công ty V còn nợ tiền ốm đau, thai sản, chế độ nghỉ việc, chế độ thất nghiệp của bà S. Đến ngày 07 tháng 5 năm 2015 bà S có đơn xin chấm dứt hợp đồng lao động đối với Công ty V. Ngày 13/7/2015 Công ty V ra Quyết định số 181/QĐ – HĐQT quyết định về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị S.

Trong đơn khởi kiện ban đầu ngày 20/12/2018, nguyên đơn trình bày kể từ khi có quyết định chấm dứt hợp đồng, Công ty V vẫn chưa đóng các loại bảo hiểm tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N cho bà S cụ thể: Bảo hiểm xã hội 7.164.458 đồng; Bảo hiểm y tế 147.054 đồng; Bảo hiểm thất nghiệp 153.936 đồng; Bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp 14.462 đồng. Tổng cộng: 7.479.910 đồng. Yêu cầu Công ty V phải đóng bảo hiểm các khoản trên cho bà S tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N để Bảo hiểm xã hội tỉnh N chốt sổ và trả sổ bảo hiểm cho bà S giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm cho người lao động, không yêu cầu tính lãi.

Ngày 26/6/2019, bà Nguyễn Thị S có Đơn khởi kiện bổ sung, yêu cầu buộc Công ty V phải đóng tiền lãi chậm đóng của các khoản bảo hiểm: Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà số tiền là 2.771.616 đồng.

Ngày 30/10/2019, và tại phiên tòa đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Công ty V đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty V chỉ nợ người lao động hai khoản nợ còn lại là nợ bảo hiểm xã hội và khoản nợ bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (trước

đây 02 khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 được tách ra bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp). Nên tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty V phải đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị S đến ngày 31/10/2019 tổng cộng là 10.820.188 đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 7.178.920 đồng, nợ lãi từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 165.832 đồng, lãi từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2019 là 3.475.436 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị S để Bảo hiểm xã hội tỉnh N chốt sổ và giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội cho bà S.

Bị đơn Công ty V, người đại diện theo pháp luật là Ông Lê Thanh B - chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị không có văn bản trình bày ý kiến, đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Tại bản tự khai ngày 06/11/2019 và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N là ông Lê Thành V trình bày:

Có sự thay đổi trong lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh N gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Q về số tiền chưa đóng nợ gốc các khoản bảo hiểm và lãi của Công ty V đối với bà Nguyễn Thị S là vì: Bên Công ty Cổ phần Tổng hợp Việt Phú đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được ưu tiên phân bổ vào số tiền nợ bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp nên về tiền gốc bảo hiểm các loại giảm so với thời điểm xác nhận số liệu đến 30/6/2018 để làm cơ sở cho nguyên đơn khởi kiện. Do đó, Bảo hiểm xã hội tỉnh N xác định số nợ gốc của các lao động mà Công ty V còn nợ lại chưa đóng là khoản nợ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (trước đây là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 được tách ra bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp) và Qũy bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là quỹ thành phần của bảo hiểm xã hội, việc đóng, hưởng quản lý và sử dụng quỹ thực hiện theo quy định của Luật an toàn, về sinh lao động và Luật bảo hiểm xã hội. Đối với trường hợp của bà Nguyễn Thị S có số sổ Bảo hiểm xã hội 5112004629. Bảo hiểm xã hội tỉnh N xác định Công ty V chưa đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị S tổng cộng là 10.820.188 đồng, trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 7.178.920 đồng, nợ lãi từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 165.832 đồng, lãi từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2019 là 3.475.436 đồng. Để Cơ quan Bảo hiểm xã hội có cơ sở xác nhận (chốt) thời gian tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp trong sổ bảo hiểm xã hội đầy đủ cho bà S theo qui định tại điểm 3.2 khoản 3 Điều 46 Quyết định 595/QĐ-BHXH ngày 14/4/2017 của Tổng giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam thì Công ty V phải có trách nhiệm đóng đủ số tiền còn nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị S tổng cộng tiền gốc là 7.178.920 đồng, tiền nợ lãi là 3.641.268 đồng (lãi tính đến

ngày 31/10/2019) tổng cộng là 10.820.188 đồng và tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty V đóng xong các khoản tiền bảo hiểm xã hội cho bà S để Bảo hiểm xã hội xác nhận được sổ bảo hiểm xã hội cho bà S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát thành phố Q phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân theo đúng pháp luật tố tụng dân sự về xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thẩm quyền, thời hạn chuẩn bị xét xử, xác minh thu thập chứng cứ, trình tự, thủ tục phiên tòa; nguyên đơn tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự; bị đơn không tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nhận chứng cứ và hòa giải, vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mà không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nhận chứng cứ và hòa giải. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử một phần yêu cầu của nguyên đơn về việc rút yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn trả hai khoản nợ chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn đóng khoản nợ gốc bảo hiểm xã hội và tiền lãi, tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi bị đơn đóng xong nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn, buộc bị đơn phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị S yêu cầu Công ty V (sau đây gọi tắt là V) có trụ sở chính tại Phường Q, thành phố Q, tỉnh N phải đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp và lãi chậm đóng theo quy định của pháp luật cho bà S tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N. Tòa án nhân dân thành phố Q đã thụ lý đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ tranh chấp: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp" theo điểm d khoản 1 Điều 32; điểm c khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngày 30/10/2019 và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một phần yêu cầu khởi kiện không yêu cầu bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm y tế và khoản bảo hiểm thất nghiệp vì bị đơn đã đóng xong tại Bảo hiểm xã hội tỉnh N chỉ yêu cầu bên bị đơn đóng hai khoản bảo hiểm chậm đóng còn lại là bảo hiểm xã hội và bảo hiểm tai nạn, bệnh nghề nghiệp (hai khoản bảo hiểm này trước đây gọi chung là bảo hiểm xã hội đến tháng 7/2016, hai khoản bảo hiểm này mới được tách riêng) và yêu cầu tính lãi chậm đóng. Nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp: "Tranh chấp về bảo hiểm xã hội".

[2] Về thủ tục tố tụng: Người đại diện theo pháp luật của Công ty V là ông Lê Thanh B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của V và không có ý kiến phản đối, đối với yêu cầu

khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ nguyên đơn cung cấp. Tại phiên tòa lần thứ 2 mặc dù đã triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo đúng quy định của pháp luật.

[3] Về nội dung tranh chấp:

[3.1] Vào ngày 28/4/2012, bà S và Công ty V đã ký hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/5/2012 đến ngày 30/4/2013 theo hợp đồng số 482 VP-HĐLĐ ngày 28/4/2012 và tiếp tục gia hạn hợp đồng lao động với thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/5/2013 đến ngày 30/4/2014 theo hợp đồng số 475 VP – HĐLĐ ngày 29/4/2013, chức danh: Công nhân hoàn thiện. Quyền lợi được hưởng, tiền lương chính và lương sản phẩm, phụ cấp các bên có trách nhiệm trích nộp các khoản bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp theo quy định tại Điều 4, 91, 92, 94 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2006. Hai bên ký kết hợp đồng hoàn toàn tự nguyện và tuân thủ đúng qui định của pháp luật, do đó Hội đồng xét xử xác định Hợp đồng lao động số 482 VP-HĐLĐ ngày 28/4/2012 và Hợp đồng số 475 VP-HĐLĐ ngày 29/3/2013 giữa bà Nguyễn Thị S và Công ty V có hiệu lực pháp luật.

Sau khi ký kết hợp đồng bà S đã thực hiện công việc tại Công ty V theo đúng nội dung hợp đồng đã ký kết từ ngày 01/5/2012 đến ngày 30/4/2013 và Hợp đồng từ ngày 01/5/2013 đến ngày 30/4/2014 V ban hành Quyết định số: 181/QĐ-HĐQT ngày 13/7/2015 về việc chấm dứt hợp đồng lao động đối với bà Nguyễn Thị S kể từ ngày 01/7/2015 với lý do bà S xin chấm dứt hợp đồng lao động với Công ty V. Tuy nhiên, sau khi hai bên chấm dứt hợp đồng lao động, V vẫn không thanh toán đầy đủ, đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho bà S gồm: bảo hiểm xã hội: 7.164.458 đồng, bảo hiểm y tế: 147.054 đồng, bảo hiểm thất nghiệp: 153.936 đồng, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp: 14.462 đồng và số tiền lãi 2.771.616 đồng (tính lãi đến ngày 30/9/2018). Tổng số tiền: 10.251.526 đồng nên bà S khởi kiện.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Đinh Thị Thanh T rút một phần yêu cầu khởi kiện không khởi kiện buộc bị đơn trả hai khoản nợ bảo hiểm chưa đóng là bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp, chỉ yêu cầu khởi kiện buộc bị đơn đóng khoản nợ gốc bảo hiểm xã hội và tiền lãi, tiền lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi bị đơn đóng xong nợ bảo hiểm xã hội cho nguyên đơn. Hội đồng xét xử xét thấy tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của Bảo hiểm xã hội tỉnh N và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đều thống nhất và thừa nhận Công ty V đã trả một khoản tiền để chốt sổ cho 144 lao động, số tiền còn lại đã được trích vào tiền gốc bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp (theo quy định của ngành Bảo hiểm), do vậy Công ty V chỉ nợ người lao động hai khoản nợ còn lại là nợ bảo hiểm xã hội và khoản nợ bảo hiểm tai nạn – bệnh nghề nghiệp (trước đây hai khoản này được tính là bảo hiểm xã hội, đến tháng 7/2016 hai khoản này mới tách ra). Nên tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút một

phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu Công ty V phải đóng bảo hiểm cho bà Nguyễn Thị S đến ngày 31/10/2019 tổng cộng là 10.820.188 đồng trong đó: nợ gốc bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 7.178.920 đồng, nợ lãi từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 165.832 đồng, lãi từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2019 là 3.475.436 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị S để Bảo hiểm xã hội tỉnh N chốt sổ và giải quyết kịp thời chế độ bảo hiểm xã hội cho bà S. Hội đồng xét xử xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của bên nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với tình tiết khách quan của vụ án nên Hội đồng xét xử chấp nhận đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải đóng hai khoản tiền nợ bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp là phù hợp với Khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3.2] Xét số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội 7.178.920 đồng. Hội đồng xét xử căn cứ vào văn bản trình bày của Bảo hiểm xã hội tỉnh N cung cấp, xét thấy thực hiện Hợp đồng lao động số: 482 VP-HĐLĐ ngày 28/4/2012 và Hợp đồng số 475 VP-HĐLĐ ngày 29/3/2013 Công ty V đã ký khai đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động – bệnh nghề nghiệp cho bà S tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N số sổ 5112004629 giai đoạn từ tháng 12/2013 đến tháng 05/2015 là 7.178.920 đồng. Công ty V đã đăng ký khai đóng bảo hiểm cho bà S tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N và đã trích thu nhập hàng tháng của bà S nhưng không đóng đầy đủ đúng quy định các loại bảo hiểm bắt buộc cho bà S là không làm đúng trách nhiệm của người sử dụng lao động được quy định tại Điều 4 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006 và là hành vi bị nghiêm cấm được quy định tại các khoản 1, 4 Điều 14, Điều 134 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006. Việc bà S khởi kiện Công ty V là có căn cứ chấp nhận. Do đó, Hội đồng xét xử buộc Công ty V phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc như trên cho bà S tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N với tổng số tiền nợ gốc bảo hiểm xã hội là 7.178.920 đồng.

[3.3] Xét yêu cầu của bên nguyên đơn yêu cầu Công ty V đóng số tiền lãi chậm đóng trên số nợ gốc bảo hiểm xã hội 7.178.920 đồng từ tháng 12/2013 đến tháng 5/2015 là 165.832 đồng, lãi từ tháng 5/2015 đến tháng 10/2019 là 3.475.436 đồng và lãi phát sinh từ tháng 11/2019 cho đến khi Công ty V đóng xong khoản tiền nợ bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị S. Căn cứ vào Khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, khoản 3 Điều 122 Luật bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 thông tư số 20/2016/TT-BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính và công văn số 1379/BHXH-BT ngày 21/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam quy định những trường hợp chậm đóng, trốn Bảo hiểm xã hội phải được tính lãi suất. Do V chậm đóng các loại bảo hiểm xã hội cho bà S nên V phải chịu lãi suất chậm đóng được tính đến tháng 31/10/2019 và tiếp tục tính đến lãi chậm đóng bảo hiểm phát sinh kể từ tháng 11/2019 theo quy định của Bảo hiểm xã hội Việt Nam.

[4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội buộc Công ty V phải chịu 324.605 đồng án phí lao động sơ thẩm. Xét

đơn đề nghị miễn nộp tiền tạm ứng án phí, án phí của bà Nguyễn Thị S ngày 20/12/2018, Hội đồng xét xử xét thấy bà Nguyễn Thị S là người lao động khởi kiện đòi khoản tiền bảo hiểm xã hội đối với người sử dụng lao động là Công ty V nên căn cứ vào Điểm a, khoản 1 Điều 12 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Nguyễn Thị S miễn nộp án phí.

[5] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Q tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm d khoản 1 Điều 32, điểm c khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 4, 14, 91, 92, 94, 134, khoản 3 Điều 138 Luật bảo hiểm xã hội năm 2006, Khoản 3 Điều 122 Luật Bảo hiểm xã hội năm 2014; Điều 5 Thông tư số 20/2016/TT – BTC ngày 03/02/2016 của Bộ Tài chính và Công văn số 1379/BHXH – BT ngày 21/4/2016 của Bảo hiểm xã hội Việt Nam; khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S về việc không yêu cầu Công ty V đóng tiền bảo hiểm y tế và bảo hiểm thất nghiệp cho bà Nguyễn Thị S.

2. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với Công ty V, buộc Công ty V phải có nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội cho bà Nguyễn Thị S tại cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh N số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 7.178.920 đồng và chịu lãi chậm đóng bảo hiểm được tính đến tháng 10/2019 số tiền 3.641.268 đồng, tổng cộng là 10.820.188 đồng (Mười triệu tám trăm hai mươi nghìn một trăm tám mươi tám đồng).

Kể từ tháng 11/2019, Công ty V còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền gốc chậm đóng bảo hiểm xã hội là 7.178.920 đồng theo quy định của pháp luật Bảo hiểm xã hội Việt Nam cho đến khi thi hành xong.

3. Về án phí: Công ty V phải chịu 324.605 đồng (Ba trăm hai mươi bốn nghìn sáu trăm lẻ năm đồng) án phí lao động sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị S không phải chịu án phí lao động sơ thẩm, bà S đã được Tòa án miễn tiền tạm ứng án phí nên không xử lý.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh N;
- VKSND Tp. N;
- Chi Cục THADS Tp. N;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Túc